

Bản án số: 20/2025/HS-ST

Ngày: 27/5/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Lâm;

2. Bà Bùi Thị Hồng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đinh Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-HS, ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. TRẦN THANH T, sinh ngày 26/12/2005 tại tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Trần Thanh T1, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1983. Bị cáo có 01 người chị tên Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1998. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự “sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPHC ngày 24/7/2023 của Công an xã T với số tiền 750.000 đồng, chưa nộp phạt.

Về nhân thân: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 05/10/2023, bị Ủy ban nhân dân huyện B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “mang theo vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương tích cho người khác”, chưa nộp phạt theo Quyết

định số 4328/QĐ-XPHC ngày 05/10/2023. Ngày 09/01/2024, bị buộc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 06 tháng theo Quyết định số 68/QĐ-TA ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Ngày 04/7/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 32/2024/HSST ngày 04/7/2024.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B, Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. TRẦN VĂN T2, sinh ngày 05/6/2001 tại tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Trần Văn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Bị cáo có 01 người anh tên Trần Văn G1, sinh năm 1997. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị buộc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng theo Quyết định số 43/QĐ-TA ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B, Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. TÔ VĂN MINH N4, sinh ngày 05/11/2001 tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tên gọi khác: Nhựt Nhỏ. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Tô Văn H1, sinh năm 1952 và bà Trần Thị C, sinh năm 1974. Bị cáo có 06 người anh, chị, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất năm 1995. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 02 tiền sự “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 27/5/2023 của Công an xã Đ với số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt và Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/7/2023 của Công an xã T với số tiền 1.500.000 đồng, chưa nộp phạt.

Về nhân thân: Ngày 05/10/2023, bị Ủy ban nhân dân huyện B xử phạt 4.000.000 đồng về hành vi “mang theo vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương

tích cho người khác” theo Quyết định số 4327/QĐ-XPHC ngày 05/10/2023, chưa nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B, Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. CHÂU QUỐC BẢO, sinh ngày 20/7/1998 tại tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tên gọi khác: Cò. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Châu Văn L, sinh năm 1976 và bà Lê Thị T3, sinh năm 1977. Bị cáo có 02 người em, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005. Bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn và có 01 người con chung sinh năm 2017.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 21/7/2023 của Công an xã T với số tiền 1.500.000 đồng, chưa nộp phạt.

Về nhân thân: Ngày 22/7/2020, bị buộc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng theo Quyết định số 09/QĐ-TA ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Ngày 18/8/2023, bị Công an xã T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “tụ tập đông người gây mất trật tự công cộng” theo Quyết định số 23/QĐ-XPHC ngày 18/8/2023, chưa nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B, Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. VÕ TUẤN N1, sinh ngày 23/10/2006 tại tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Võ Văn N2, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1977. Bị cáo có 01 người anh sinh năm 2001. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 05/10/2023, bị Ủy ban nhân dân huyện B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “mang theo trong người vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương tích cho người khác” theo Quyết định số 4329/QĐ-XPHC ngày 05/10/2023, chưa nộp phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/02/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. NGUYỄN HOÀNG V, sinh ngày 30/9/2006 tại tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Hoàng N3 (chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1990. Bị cáo là con một trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không. Tiền sự: không

Nhân thân: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 06/9/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 06 tháng theo Quyết định số 50/QĐ-TA.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/02/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh **Lê Minh T4**, sinh năm 2007 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- **Người giám hộ của bị hại:** Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại:** Luật sư **Trần Nhật Long H4** – Đoàn luật sư tỉnh B (Vắng mặt).

Địa chỉ: A, đường H, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông H4 có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 26/5/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trước đó với Lê Minh T4 nên khoảng 19 giờ ngày 07/8/2023, Trần Thanh T dùng điện thoại gọi cho Võ Tuấn N1 đến nhà của mình. Tại đây T biết N1 có quen biết với T4 nên nói N1 gọi cho T4 để hỏi T4 đang ở đâu. Khi biết được T4 sẽ lên quán T5 thuộc ấp B, thị trấn B uống nước cùng với bạn, T chuẩn bị 03 con dao tự chế. Khoảng 30 phút sau, T gọi cho Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Trần Văn T2 và Nguyễn Hoàng V. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N4, B, V, N1 cùng tập trung tại nhà của T. Lúc này, T nói với tất cả cùng đi chém T4 thì cả nhóm đồng ý. T đưa cho N4 01 con dao tự chế dài khoảng 70 cm, đưa cho B con dao tự chế dài khoảng 100cm, T cầm dao tự chế dài khoảng 130cm, V mang theo con dao thái lan cán vàng. N4 chở B, V chở T, N1 đi một mình. Khi đến quán Ô thuộc ấp B, thị trấn B thì V chở thêm T2, T2 mang theo 01 con dao thái lan cán vàng. Tất cả tập trung dưới chân cầu C thuộc ấp T, xã T. T kêu N1 gọi điện thoại cho T4 hỏi T4 đang ở đâu, khi biết được T4 đang ngồi uống

nước cùng bạn tại chòi lá số 01 của quán TIN COFFEE, T kêu N1 đi về vì T4 biết mặt N1, còn lại T, N4, T2, B, V điều khiển xe để dưới chân cầu C thuộc ấp B, thị trấn B. Đến khoảng 22 giờ, T kêu V đi vào quán tìm T4, V đến chòi số 01 hỏi “ai là T4 em của Tuấn N1”, thì T4 đứng dậy, V lùi ra hướng cổng của quán, dùng tay phải ngoắc T, N4, B, T2. T cầm dao chạy vào quán, thấy vậy T4 bỏ chạy, T dùng dao chém 01 nhát vào người T4 nhưng không trúng, T4 vấp té úp mặt, khi quay mặt lại thì bị N4 cầm dao chém 01 nhát không trúng, tiếp tục chém nhát thứ hai trúng vào đầu gối chân trái của T4 gây thương tích, T xông vào chém 02 nhát vào chân phải của T4 nhưng không trúng, V dùng chân trái đè lên ngực của T4, dùng nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào mặt của T4. Sau đó cả nhóm rời đi.

Kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể trên người sống số 346/23/KLTTCT-TTPYBT ngày 12 tháng 10 năm 2023:

“III...

1.2 Khám thương tích:

- Sẹo gối trái kích thước 11cm x 0,5cm.
- Sẹo mô gối trái, kích thước 05cm x 0,5cm....

IV. PHẦN KẾT LUẬN

1. Các kết quả chính:

- Sẹo gối trái kích thước trung bình.
- Sẹo mô gối trái, kích thước trung bình.
- Đứt gân bánh chè trái.

2. Kết luận: ...

Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Minh T4 tại thời điểm giám định là 14%. Thương tích do vật sắc nhọn gây ra”.

Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 03, 04/KLGĐĐT-PVPYQG cùng ngày 17/01/2025, xác định Võ Tuấn N1 và Nguyễn Hoàng V có độ tuổi từ 18 năm 03 tháng đến 18 năm 09 tháng tại thời điểm giám định ngày 09/01/2025. Như vậy, N1 và V tại thời điểm phạm tội ngày 07/8/2023 đã trên 16 tuổi.

Quá trình điều tra, tất cả các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng tạm giữ: Sau khi gây án, Trần Thanh T lấy 02 con dao tự chế đã đưa cho N4 và B cùng con dao của mình đem cất giấu tại nhà của Nguyễn Anh H5, sinh năm 2001 thuộc khu phố C, thị trấn B và bãi rác thuộc ấp A G, xã B, V

và T2 đem 02 con dao thái lan cán vàng của mình về nhà. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được các hung khí trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng cộng 70.000.000 đồng, bị cáo Tô Văn Minh N4, Võ Tuấn N1, Châu Quốc B đã bồi thường 40.000.000 đồng, các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V còn có nghĩa vụ bồi thường mỗi người 10.000.000 đồng cho bị hại.

Bản cáo trạng số: 17/CT-VKSBD ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 07/8/2023, tại quán T5 thuộc ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, Trần Thanh T đã rủ rê các bị cáo Tô Văn Minh N4, Trần Văn T2, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V để thực hiện hành vi dùng dao, nón bảo hiểm gây thương tích cho Lê Minh T4, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14%. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đề nghị truy tố các bị cáo Trần Thanh T, Tô Văn Minh N4, Trần Văn T2, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V về tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1 thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra bị cáo B còn đang nuôi con nhỏ, gia đình kinh tế khó khăn nên đề nghị cho các bị cáo này được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”, quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thanh T. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** mức án từ **03 (Ba) năm đến 04 (B1) năm tù**. Và áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án 32/2024/HSST ngày 04/7/2024 của TAND huyện Bình Đại, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai Bản án.

2. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T2** mức án từ **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

3. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Tô Văn Minh N4** mức án từ **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

4. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Châu Quốc B** mức án từ **02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

5. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Võ Tuấn N1** mức án từ **02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

6. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng V** mức án từ **02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

7. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 590 của Bộ luật Dân sự

Buộc các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V mỗi bị cáo bồi thường cho anh Lê Minh T4 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V tự bào chữa: Các bị cáo thống nhất với Bản cáo trạng và Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng

xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo cũng đồng ý bồi thường mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho anh Lê Minh T4.

Tại phiên tòa, Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1 tự bào chữa: Các bị cáo thống nhất với Bản cáo trạng và Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Tại phiên tòa, bị hại Lê Minh T4 có ý kiến: Về trách nhiệm dân sự, bị hại yêu cầu bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V bồi thường thiệt hại, mỗi bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, yêu cầu xét xử theo quy định pháp luật đối với các Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V.

Tại phiên tòa, người giám hộ bị hại Lê Minh T4 có ý kiến: Thống nhất ý kiến anh Lê Minh T4.

Tại Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bài luận cứ bảo vệ, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị hại Lê Minh T4 có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại, xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V không nói lời nói sau cùng.

Bị cáo Tô Văn Minh N4 nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Bị cáo Châu Quốc B nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Bị cáo Võ Tuấn N1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên Tòa, các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 07/8/2023, tại quán T5 thuộc ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, Trần Thanh T, Tô Văn Minh N4, Trần Văn T2, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V đã có hành vi dùng dao, nón bảo hiểm gây thương tích cho Lê Minh T4, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14%. Vì vậy, các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản cáo trạng số: 17/CT-VKSBD ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo dùng dao, mũ bảo hiểm gây thương tích cho bị hại là hành vi đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe bị hại, không những làm hạn chế khả năng lao động, sức khỏe bị tổn hại lâu dài mà còn làm cho bị hại bị thương tật vĩnh viễn, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh hoạt đời sống hằng ngày về sau. Sức khỏe của con người là khách thể được pháp luật bảo vệ nghiêm ngặt nếu ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng các bị cáo không lựa chọn cách xử sự cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh để hạn chế thiệt hại của các bên mà các bị cáo chọn cố ý thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo T2, N4, B đã là người thành niên, bị cáo T trên 17 tuổi; bị cáo N1, V đã trên 16 tuổi; các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, trái đạo đức, trái quy định pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình đã gây ra.

[5] Về tính chất đồng phạm: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó T có vai trò là người rủ rê, xúi giục, chuẩn bị hung khí và cũng là người thực hành; N4 và V là người thực hành, cụ thể: N4 là người trực tiếp chém bị hại Lê Minh T4, V là người dùng nón bảo hiểm đánh vào mặt T4 còn 03 bị cáo B, T2, N1 có vai trò là người giúp sức.

[6] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại với tổng tỷ lệ thương tích là 14%.

[7] Về nhân thân:

- Bị cáo Trần Thanh T: Bị cáo có 01 tiền sự, ngày 24/7/2023 bị Công an xã T xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 09/QĐ-XPHC, đến nay chưa nộp phạt. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 07/8/2023), ngày 05/10/2023, bị cáo bị Ủy ban nhân dân huyện B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “mang theo vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương tích cho người khác”, theo Quyết định số 4328/QĐ-XPHC ngày 05/10/2023, đến nay chưa nộp phạt. Ngày 09/01/2024, bị buộc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 06 tháng theo Quyết định số 68/QĐ-TA ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Ngày 04/7/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án hình sự số: 32/2024/HSST ngày 04/7/2024 nên bị cáo T có nhân thân xấu.

- Bị cáo Trần Văn T2: Bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng theo Quyết định số 43/QĐ-TA ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, đã chấp hành xong. Do đó, bị cáo T2 có nhân thân xấu.

- Bị cáo Tô Văn Minh N4: Bị cáo có 02 tiền sự “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 27/5/2023 của Công an xã Đ với số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt và Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 21/7/2023 của Công an xã T với số tiền 1.500.000 đồng, chưa nộp phạt. Ngoài ra, ngày 05/10/2023, bị Ủy ban nhân dân huyện B xử phạt 4.000.000 đồng về hành vi “mang theo vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương tích cho người khác” theo Quyết định số 4327/QĐ-XPHC ngày 05/10/2023, chưa nộp phạt. Vì vậy, bị cáo N4 có nhân thân xấu.

- Bị cáo Châu Quốc B: Bị cáo có 01 tiền sự “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 21/7/2023 của Công an xã T với số tiền 1.500.000 đồng, chưa nộp phạt. Ngoài ra, ngày 22/7/2020, bị buộc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng theo Quyết định số 09/QĐ-TA ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Ngày 18/8/2023, bị Công an xã T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “tụ tập đông người gây mất trật tự công

cộng” theo Quyết định số 23/QĐ-XPHC ngày 18/8/2023, chưa nộp phạt. Do đó, bị cáo B nhân thân xấu.

- Bị cáo Võ Tuấn N1: Ngày 05/10/2023, bị Ủy ban nhân dân huyện B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “mang theo trong người vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương tích cho người khác” theo Quyết định số 4329/QĐ-XPHC ngày 05/10/2023, chưa nộp phạt. Do đó, bị cáo N1 nhân thân xấu.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng V: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 06/9/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 06 tháng theo Quyết định số 50/QĐ-TA. Vì vậy, bị cáo V có nhân thân xấu.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo Trần Thanh T có hành vi xúi giục bị cáo Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V phạm tội. Vì vậy, bị cáo Trần Thanh T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1 có thái độ thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và được bị hại có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt, riêng bị cáo B còn đang nuôi con nhỏ, gia đình khó khăn nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, hành vi của các bị cáo không những gây thương tích cho bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự trị an xã hội tại địa phương và cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm minh, phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo, để bị cáo thấy được sai phạm của bản thân từ đó mà cải sửa cải tạo trở thành công dân lương thiện, mặt khác góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm chung. Tuy nhiên, mức hình phạt của các bị cáo cũng phải thể hiện được sự phân hóa hành vi phạm tội của từng bị cáo. Đối với bị cáo N1, bị cáo V, thấy rằng các hình phạt và biện pháp khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Võ Tuấn N1, bị cáo Nguyễn Hoàng V nhưng mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo cũng phải phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Hình sự.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Tô Văn Minh N4, Võ Tuấn N1, Châu Quốc B đã bồi thường 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại anh Lê Minh T4 tiếp tục yêu cầu bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng và các bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh và hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo T, T2, V phải chịu án phí là 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.**

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt **01 (Một) năm tù** của Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2024/HSST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo **Trần Thanh T** chấp hành hình phạt chung của hai Bản án với thời hạn **04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2024.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T2 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2025.

3. Tuyên bố bị cáo Tô Văn Minh N4 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Tô Văn Minh N4 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2025.

4. Tuyên bố bị cáo Châu Quốc B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Châu Quốc B 02 (Hai) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 01 năm 2025.

5. Tuyên bố bị cáo Võ Tuấn N1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Võ Tuấn N1 02 (Hai) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

6. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng V 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

7. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 590 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Trần Thanh T bồi thường cho anh Lê Minh T4 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Buộc bị cáo Trần Văn T2 bồi thường cho anh Lê Minh T4 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng V bồi thường cho anh Lê Minh T4 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

8. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Nguyễn Hoàng V, mỗi bị cáo phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Thanh T, Trần Văn T2, Tô Văn Minh N4, Châu Quốc B, Võ Tuấn N1, Nguyễn Hoàng V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

9. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Phân trại tạm giam huyện Bình Đại (6b);
- Các Bị cáo (6b);
- Bị hại, người giám hộ bị hại (2b);
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị hại (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (6b);
- Lưu HSVA, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ